

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2024/DS-ST

Ngày: 23/9/2024.

V/v Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán
trong Hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG- TỈNH THÁI BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tiến Hưng.
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hưng và ông Vũ Hữu Quang.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư kí Toà án.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân huyện Đ, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-DS ngày 20/6/2024 về tranh chấp Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXX-ST ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH C
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức T – chức vụ Tổng giám đốc

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thanh Dạ Q, sinh năm 1991; ông Phùng Thanh O, sinh năm 1984; bà Nguyễn Minh T1, sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: Tòa nhà F số A A, phường M, quận N, thành phố H

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Xuân Đ, sinh năm 1975 và bà Phí Thị P, sinh năm 1979. (Bà P là vợ ông Đ)

Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt Bà Q, bà T1, ông O. Ông Đ và bà P có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, Nguyên đơn Công ty TNHH C trình bày:

Ngày 05/09/2020, Công ty TNHH C (sau đây gọi tắt là Công ty C) và vợ chồng ông Đ, bà P đã ký Hợp đồng Hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản, gia cầm và gia súc số 242480/HĐ – 050920.

Theo đó: Khi ông Đ, bà P có nhu cầu mua cám loại nào thì ông Đ là người liên hệ với Công ty C để đặt hàng. Công ty C sẽ báo lại cho ông Đ giá từng sản phẩm và tổng giá trị đơn hàng. Tùy theo tình hình tài chính từng lần đặt hàng, ông Đ có thể thanh toán toàn bộ giá trị đơn hàng hoặc nợ lại một phần.

Với từng lần mua hàng, Công ty C sẽ giao đầy đủ lượng hàng hoá khách hàng đã đặt hàng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng. Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày xuất hoá đơn. Hiện nay, ông Đ không còn lấy cám của Công ty C nữa nhưng vẫn còn công nợ tồn đọng phải thanh toán.

Tính đến hết ngày 30/11/2023, ông Đ, bà P nợ Công ty C số tiền là: 392.024.623 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu không trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng). Hai bên đã có văn bản chốt nợ.

Nhân viên Công ty C đã nhiều lần gặp trực tiếp ông Đ, bà P để yêu cầu thanh toán số tiền hàng còn nợ nhưng đến nay ông Đ, bà P không thanh toán bất kỳ khoản nào.

Nay Công ty C yêu cầu: Buộc ông Hoàng Xuân Đ, bà Phí Thị P phải trả cho Công ty C tổng số tiền mua cám chưa thanh toán là: **392.024.623 đồng** (Ba trăm chín mươi hai triệu không trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng). Công ty TNHH C không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi kể từ ngày 30/11/2023 đến khi vụ án được giải quyết bằng bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật.

+ Bị đơn ông Hoàng Xuân Đ trình bày:

Tại Tòa án: Ông Đ xác nhận ông và vợ ông là bà Phí Thị P có ký hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi thủy sản và gia cầm và gia súc như Công ty C trình bày. Sau khi ký hợp đồng khi có nhu cầu mua loại cám nào thì ông Đ liên hệ với Công ty C đặt hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Ông Đ thừa nhận vợ chồng ông còn nợ Công ty TNHH C số tiền đã mua cám của Công ty C là 392.024.623 đồng. Song ông Đ đề nghị Công ty C xem xét hoàn cảnh lúc đó:

Thứ nhất: Lúc ông Đ nhận được Cám của công ty không hiệu vì lý do gì mà gà ăn nhiều cám nhưng tăng trưởng rất chậm. Chính vì thế nên gà giao không đúng thời gian và chất lượng theo hợp đồng, dẫn đến bị thua thiệt rất nhiều .

Thứ hai: Trong mùa dịch bệnh Covid 19 bị hạn chế đi lại nên thị trường tiêu thụ gà vô cùng khó khăn, trại chăn nuôi của ông Đ liên tục tụt lỗ và nợ ngân hàng + lãi càng nhiều lên. Do không còn tiền để thanh toán nên ông Đ đã thông báo với công ty Đ1 tạm dừng nhập hàng. Hiện tại đến nay vợ chồng ông Đ còn phải trả lãi ngân hàng với khoản nợ hơn 4 tỷ đồng. Ông Đ xác định ông rất thiện chí trả nợ ngay thời điểm ngày 16/8/2021. Khi công ty chưa có thư đòi nợ, ông Đ đã đề nghị trả trước 200.000.000 đồng, nhưng công ty không nhận và càng về sau việc chăn nuôi càng khó khăn hơn nên không trả được nợ. Nay ông Đ đề nghị công ty xem xét tạo điều kiện để giảm nợ xuống còn 300.000.000 đồng; ông Đ sẽ trả ngay 150.000.000 đồng, đến 30/11/2024 trả tiếp 100.000.000 đồng, đến 20/3/2025 trả nốt 50.000.000 đồng. Nếu công ty C không đồng ý như đề nghị của ông Đ, ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I/ Về tố tụng:

Về việc ông Đ bà P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

II/ Về nội dung:

[1] Việc vợ chồng ông Đ ký hợp đồng mua các loại cám chăn nuôi với Công ty TNHH C là trên nguyên tắc tự nguyện, thỏa thuận, hợp đồng dân sự giữa hai bên đều phù hợp với pháp luật do đó hợp đồng số 242480/HĐ – 050920 có hiệu lực pháp luật.

Nay ông Đ cho rằng cám của Công ty C kém chất lượng dẫn đến giảm năng suất vật nuôi, nhưng ông Đ không có chứng cứ để chứng minh cho vấn đề “Chất lượng cám kém” vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Xuân Đ.

Về dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa là có thật. Nhưng trong hợp đồng không có thỏa thuận về các tình huống trong thực tế có thể xảy ra do thiên tai. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Tại Tòa án Công ty C chỉ yêu cầu trả giá trị hàng hóa mà không yêu cầu lãi suất kể từ ngày chậm thanh toán cũng là hỗ trợ một phần cho vợ chồng ông Đ bà P.

Từ nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu của Công ty C; Buộc vợ chồng ông Đ bà P phải trả cho Công ty C số tiền 392.024.623 đồng.

[2] Về án phí: Ông Hoàng Xuân Đ và bà Phí Thị P phải chịu 392.024.623 đồng x 5% = 19.600.000 đồng (làm tròn số)

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 430, 432, 433, 434, 440 của Bộ luật dân sự. Điểm b Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty TNHH C

[2] Xử buộc ông Hoàng Xuân Đ và bà Phí Thị P phải trả cho Công ty TNHH C số tiền 392.024.623 đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ, bà P chậm thi hành án khoản tiền phải thi hành án thì ông Đ và bà P phải chịu lãi suất đối với khoản tiền phải thi hành án, theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về án phí:

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Hoàng Xuân Đ và bà Phí Thị P phải chịu 19.600.000 đồng tiền án phí Dân sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH C số tiền 9.800.000 đồng mà Công ty TNHH C đã nộp tạm ứng án phí biên lai số 000 3234 ngày 20/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

[4] Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày; đối với các đương sự có mặt kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự .
- VKSND, THA h: Đông Hưng.
- Lưu HS-VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Tiến Hưng